TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TU** **TỈNH LC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2020/QĐST-HNGĐ	*TU, ngày 05 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 02 năm 2020

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Vàng Thị B, sinh năm 1990
2. Anh Lò Văn D, sinh năm: 1990

Đều trú tại: Bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn (số 01/2013) ngày 11/01/2013 tại UBND xã Phúc Than huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Thời gian chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tôn trọng, sẻ chia, yêu thương và giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Năm 2018 anh chị đã không còn sống chung và không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị B và anh D cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC công nhận thuận tình ly hôn cho anh Lò Văn D và Vàng Thị B.

[2] Về nuôi con chung: Chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D xác nhận có một con chung là cháu Lò Nhật T, sinh ngày 15/3/2015. Hiện nay cháu T đang ở

cùng với chị B. Chị B và anh D thỏa thuận giao cho chị Vàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Nhật T cho đến khi cháu Lò Nhật T thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vàng Thị B không yêu cầu anh Lò Văn D cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là cháu Lò Nhật T.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung. Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Vàng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Nhật T, sinh ngày 15/3/2015 cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác;

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Vàng Thị B không yêu cầu anh Lò Văn D cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là cháu Lò Nhật T nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị B. Chị B có quyền yêu cầu anh D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là chị Vàng Thị B và anh Lò Văn D mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận chị

Vàng Thị B và anh Lò Văn D đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/2016/0000160 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh LC
- VKSND tỉnh LC
- VKSND huyện TU
- Chi cục THA Dân sự huyện TU
- UBND xã PT;

(46/11.01.2013)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên, đóng dấu)